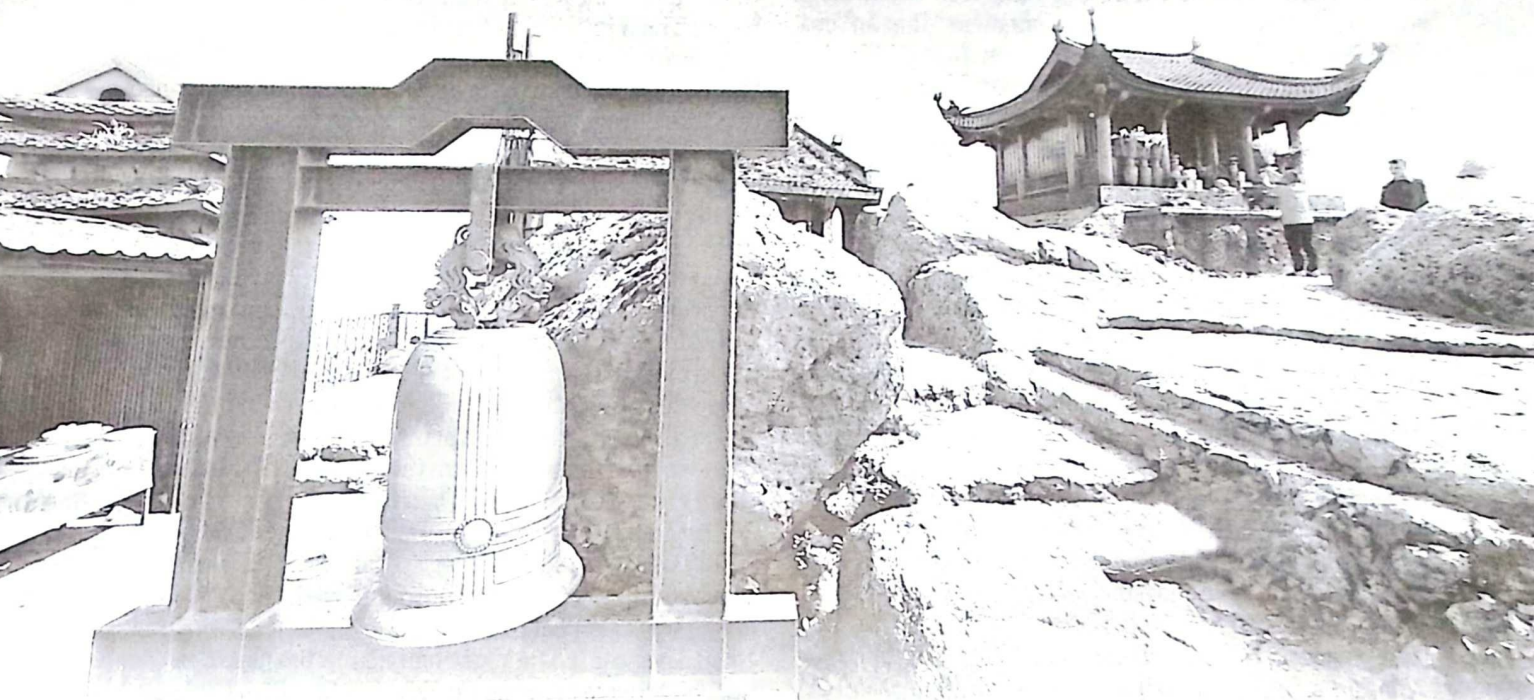


# GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CỦA THIÊN PHẢI TRÚC LÂM YÊN TỬ



Chùa Đống. Ảnh báo Lao Động

*Trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, thời đại nhà Trần là một thời đại hưng thịnh nhất. Không những phát triển các chính sách trị nước an dân mà còn phát triển rất nhiều mặt như kinh tế, đời sống, văn hóa, xã hội... Trong đó Phật giáo được chọn làm hệ tư tưởng chính yếu nên có điều kiện phát triển một cách rực rỡ; từ vua quan cho đến dân chúng đều là những người mộ đạo. Triều đại nhà Trần đã sáng lập nên Thiên phái Trúc Lâm, một Thiên phái mang đậm bản sắc của người Việt. Phật giáo dung hợp với bản sắc văn hoá dân tộc và tạo nên nét đặc thù cho lịch sử Việt Nam. Sự dung hợp đó đã làm cho đất nước có được một nền triết học cũng như nền văn học Việt Nam mang đậm tư tưởng Phật giáo mà cho đến về sau không có một triều đại nào có thể vượt qua được.*

## TRẦN NGHIỆM\*

### **1. NÉT ĐẶC SẮC TRONG TƯ TƯỞNG THIÊN PHẢI TRÚC LÂM**

#### **Tính kế thừa và dung hợp**

Trong quá trình phát triển nội tại của Thiên tông Việt Nam, tư tưởng triết học Trần Nhân Tông ra đời không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên mà nó có nguồn gốc từ đặc điểm lịch sử xã hội Việt Nam thời Lý - Trần và là sự kế thừa, dung hợp phát triển những yếu tố của các dòng thiền trước đó như Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Thiên Phái Vô Ngôn Thông và thiên phái Thảo Đường và đặc biệt kế thừa triết lý Thiền của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, là sự dung hợp của Thiền, Tịnh, Nho, Lão tạo nên bước phát triển mới cho thiền học Việt Nam.

Tính kế thừa và dung hợp ấy trong tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông không phải là sự lắp ghép giản đơn mà được kế thừa sáng tạo trên cơ sở của một triết lý quan trọng nhất được nêu lên trở thành tôn chỉ của Thiền Việt Nam như lời Quốc sư Phù Vân đã chỉ dạy mà Trần Thái Tông đã viết trong Thiền Tông Chỉ Nam rằng: “Phàm đã là bậc quân nhân tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình”<sup>(1)</sup>, (Phàm vi nhân giả, dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm) và đặc biệt hơn Ngài dạy: “Tâm tịch nhi tri, vị chi chân Phật”<sup>(2)</sup> (Phật ở ngay trong lòng, lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật). Sự dung hợp sáng tạo ấy, trong tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông được thể hiện sâu sắc nhất trong văn đề thế giới quan và triết học đạo đức nhân sinh của Ngài.

Vấn đề quan trọng và cốt yếu nhất của Thiền là cái tâm.

Bởi vì Thiền lấy sự thanh tịnh, tĩnh lặng của tâm làm gốc của suy tư, trực nghiệm chân tâm, bản tính của mình. Do đó, trong vấn đề bản thể luận, tiếp tục tư tưởng của các dòng thiền trước đây, Trần Nhân Tông cũng tiếp tục lý giải phạm trù tâm. Ngài xem tâm là thể hoàn toàn tĩnh lặng, bất sinh, bất diệt, không thể dùng ngôn từ diễn tả được. Nhưng thực chất “Tâm tĩnh lặng” của Trần Nhân Tông cũng chính là kế thừa dung hợp quan điểm “Tâm ấn” của Tỳ Ni Đa Lưu Chi, “Tâm địa” của Vô Ngôn Thông, “Tâm hư không” của Trần Thái Tông hay “Tâm thể” của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sở dĩ, có những quan điểm khác nhau về tâm ấy là do, nó được quan niệm, xem xét, nhấn mạnh ở những mặt những tính chất và khuynh hướng khác nhau, mặc dù tâm vẫn là cốt yếu của thiền.

Tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông là sự kế thừa dung hợp sáng tạo tư tưởng của các dòng thiền có trước đó ở Đại Việt. Đặc biệt triết lý của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ còn thể hiện ở lãnh vực đạo đức nhân sinh. Trần Thái Tông cho rằng để đạt tới cái tâm vô niệm thì cần phải kiến tánh. Kiến tánh để chuyển hóa vọng niệm thành vô niệm. Trong quan điểm đạo đức của Trần Thái Tông, ta cũng thấy ông dung hợp cả tư tưởng Nho, Phật, Lão. Ngài đã trình bày một cách có hệ thống sâu sắc về thọ giới, ngồi thiền, tịnh độ, trong đó kết hợp những quan niệm của Nho gia như “Phàm làm người điều nhân nghĩa và quân tử, kẻ chuyên việc trộm cắp là tiểu nhân”<sup>(3)</sup>. Và phàn phất cả tư tưởng của Lão: “Lưới trời lồng lộng làm điều lành thì thoát, làm điều ác thì vướng”<sup>(4)</sup>. Trong Văn răn sát sanh có câu: “Điển Nho thì thi ân báo đức, kinh của đạo thì yêu vật thương sinh, duy nhà Phật thì giữ lòng giới sát”<sup>(5)</sup>. Mặt khác Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng chủ trương tịnh độ không phải ở đâu xa mà chính là cái tâm trong sạch của mỗi người: “Tịnh độ là lòng trong sạch chớ ngờ hỏi Đông Tây. Di Đà là tính sáng soi mưa phải nhọc tìm về Cực lạc”<sup>(6)</sup>. Cùng với đường lối tu tập này, Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng đã dạy cho Vua Trần Nhân Tông “Phản quan tự kỷ bốn phận sự bất tùng tha đắc”<sup>(7)</sup>. Đây chính là yếu chỉ tu tập thể nhập Chân tâm. Khi mỗi người biết quay lại chính mình, dùng ánh sáng chánh niệm làm lắng đọng những vọng niệm lao xao, tiêu trừ hết mọi lậu hoặc, kiết sử thì ánh sáng trí tuệ tự nhiên sáng tỏ “Tâm địa nhược Không, tuệ nhật tự chiếu”<sup>(8)</sup>. Khi mỗi người giác ngộ Phật tại tâm thì có thể tùy duyên hết mọi hoàn cảnh.

Như vậy, trong quan điểm và thiền, kế thừa và bổ sung tư tưởng của Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, “Trần Nhân Tông không đi sâu vào lý luận, mà chú ý nhiều đến việc hành thiền. Ngài là người đầu tiên có ý thức cụ thể hóa các bước đi trong quá trình tu thiền, chọn lọc các kinh nghiệm thiền của các thế hệ trước”<sup>(9)</sup>. Thiền tông giác ngộ hay thành Phật không phải tìm kiếm sự ở bên ngoài, điều cốt yếu để ngộ tánh là quay lại chính mình, nhận ra ngay nơi mình có Phật. Thế nhập chân tâm đó chính là Phật thật. Phật ở nơi tâm thì chúng ta không nhất thiết phải vào núi tu Phật hay trốn chạy ở nơi nào. Một người giác ngộ được nguồn tâm thì ở đâu cũng được bình an tự tại. Thấy tốt được ý này nên Thái Tông trở về hoàng cung vừa chăm lo tu tập cho bản thân nhưng cũng không xao lãng việc

nước “Mệnh tòa thành thị, hoàng dụng sơn lâm”<sup>(10)</sup>. “Mệnh ngôi thành thị nét dùng sơn lâm”<sup>(10)</sup>. Đúng là một lối tu rất thâm sâu nhưng cũng rất đời thường giản dị mà thanh cao. Đây là quan điểm mới mà trước đây các Thiền sư Trung Hoa chưa từng đề cập đến.

### Tinh nhân văn

Một trong những đặc điểm rất quan trọng nữa của tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm là tinh nhân văn, luôn đề cao con người, lấy con người làm trung tâm và luôn tin tưởng vào bản tính tốt đẹp của con người, xem bản tính Bồ đề, giác tính, là cái trong sáng bản nhiên có sẵn trong con người. Tinh nhân văn thiền học Trúc Lâm thể hiện qua những nội dung chủ yếu như: “Một là tư tưởng triết học này quan tâm sâu sắc đến con người. Hai là, trong tư tưởng triết học đó luôn thể hiện sự trăn trở với ý nghĩ và lòng mong muốn lo cho đời sống của dân, giáo hóa đạo đức cho dân. Ba là, cao hơn nữa những tư tưởng nhân văn ấy còn được thể hiện bằng tinh thần và hành động cao cả, thiết thực là cứu nước, cứu dân, xây dựng một chế độ thân dân”<sup>(11)</sup>. Khi con người đã tu rèn đạo đức và trí tuệ, trở về với bản tính chân tâm của mình thì khi đó con người không còn phân biệt cái này với cái kia, không còn hơn thua, tranh chấp nhân ngã, chính khi đó là Tịnh độ, Niết bàn hiện hữu.

Trong bài *Niệm Phật Luận*, Trần Thái Tông khẳng định “thân ta tức thân Phật, không có hai tướng”. Ý tưởng đó sau này được Tuệ Trung Thượng Sĩ diễn dịch “khi mê không biết ta là Phật” trong *Thượng Sĩ Ngữ Lục*, còn Trần Nhân Tông thì “nhân khuấy bản nên ta tìm Bụt; đến cốc hay chính Bụt là ta” trong *Cư Trần Lạc Đạo Phú*. Hình ảnh con người của Trần Thái Tông hiện lên với những đức tính nhân từ, độ lượng. Và đỉnh cao là lòng từ bi tuyệt đối của sự giác ngộ giải thoát. Con người đích thực ấy chính là sự thiết lập cho mỗi tự thân trong cộng đồng xã hội một lối sống vững chãi để không bị những ngọn gió của tham dục chi phối xô ngã. Từ đó mang năng lượng, phẩm chất đạo đức ấy dẫn thân vào trần thế làm lợi lạc cho cuộc đời mà vẫn giữ được sự thanh khiết, đáng tự tại như hình ảnh thoát tục rạng ngời của một vị Bồ Tát hóa thân.

Tinh nhân văn trong tư tưởng thiền Trúc Lâm không chỉ thể hiện quan tâm sâu sắc đến con người mà còn thể hiện trong ý nghĩ hành động chăm lo đến đời sống của dân, giáo hóa đạo đức cho dân. Tiêu biểu như cuộc đời của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông lúc nào cũng lo cho dân cho nước, lúc nào cũng lo học hỏi tham thiền, nhằm xây dựng một hệ tư tưởng, một tổ chức Phật giáo thống nhất, có nền văn hóa văn minh độc lập, chống lại ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai, chống lại sự xâm lược của quân Nguyên - Mông hùng mạnh.

Tinh nhân văn nhân bản của Phật giáo đời Trần còn thể hiện rõ nét ở tư tưởng đạo nghĩa khoan dung, để thu phục người hiền tài giáo hóa dân chúng, nhờ vậy đã giữ yên bờ cõi và xây dựng được lòng tin yêu, kính trọng nơi dân chúng. Như câu chuyện giữa vua Trần Nhân Tông và Huệ vương Trần Khánh Dư. Trần Khánh Dư, vốn là người có công đánh giặc khi quân Nguyên xâm lược lần thứ nhất, được phong chức Phiêu kỵ Đại tướng quân, rồi thăng đến Tể tướng Thượng vị hầu nhưng sau phạm tội do tư thông

với Thiên Thụy công chúa, bị cắt hết chức tước, tịch biên gia sản, phải lui về Chí Linh làm nghề bán than. Một hôm Khánh Dư chở than qua Bình Than, đầu đội nón cối, mặc áo vải gai. Trần Nhân Tông thấy thế bèn chỉ vào thuyền bảo hầu cận rằng: “Người kia chẳng phải là Nhân Huệ vương đó sao?”

Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi: “Ông lái ơi, có lệnh vua triệu”.

Khánh Dư trả lời: “Lão là người buôn bán, có việc gì mà phải triệu”. Quân hiệu trở về tàu thực như thế. Vua bảo: “Đúng là Nhân Huệ đấy, ta biết người thường tất không dám nói thế”.

Vua lại sai nội thị đi gọi. Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá [đến gặp vua]. Vua nói: “Nam nhi mà đến nỗi này thì thực là cùng cực rồi”, bèn xuống chiếu tha tội cho ông. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi các hàng dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, nhiều điều hợp ý vua. Nhờ vậy mà sau này Trần Khánh Dư lập nhiều đại công đóng góp công sức cho nước nhà. Tư tưởng thân dân, khoan dân, dựa vào dân được xem là điều kiện tiên quyết xây dựng đất nước vững mạnh. Thực tiễn chứng minh, những cuộc chiến tranh giành độc lập hay bảo vệ đất nước chỉ khi nào huy động được sức mạnh của cả dân tộc mới làm nên chiến thắng.

### Tinh thần nhập thế

Tư tưởng Thiên của Thiên phái Trúc Lâm là tư tưởng thiên nhập thế. Đây cũng là đặc điểm chung của tư tưởng các vị tiền bối của ông như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ. Tinh thần nhập thế đó thể hiện rõ ràng trong cả hành trạng, ứng xử, các lời thuyết giảng, thảo luận và trong thơ văn của Phật giáo thời Trần. Có thể nhìn một cách tổng quan về căn cội triết học của tinh thần nhập thế, mà nói theo cách của chính Trần Nhân Tông, là Cư trần lạc đạo:

*“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên  
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền”<sup>(12)</sup>.*  
(Ở đời vui đạo hãy tùy duyên  
Đối đến thì ăn mặc ngủ liền  
Trong nhà báu sẵn thôi tìm kiếm  
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền).

Ở trong trần mà vui với đạo trở thành tông chỉ thiết yếu của Thiên phái Trúc Lâm, trong bối cảnh đất nước Đại Việt huy động sức mạnh toàn dân đoàn kết chống thù trong giặc ngoài, xây dựng ý thức tự chủ về mọi phương diện.

Có điều khi tùy thuận với ngoại duyên mình phải thấu triệt được bản tánh của nó, thấy được thể tánh bất sanh bất diệt là viên ngọc báu của mọi người. Sống được với tâm “Không” thì ở trong hoàn cảnh nào mình cũng không bị ô nhiễm. Điều này đã được miêu tả khá chi tiết: “Các Thiền sư giai đoạn này đã ý thức đi tìm một hướng đi mới cho Phật giáo. Kết quả Thiên phái Thảo Đường ra đời. Giới xuất gia không còn đóng khung hoạt động trong ngôi chùa, họ cũng kết hợp với Phật tử tham gia công tác xã hội. Cuộc sống của giới xuất gia từ đây nặng tính thế tục”<sup>(13)</sup>. Và đây

cũng là chủ trương tùy tục của Thường Chiếu làm phương châm hoạt động cho hướng đi của Phật giáo thế sự sau này. Đó là đạo Phật dẫn thân giúp đem đạo vào đời.

Phật giáo đời Trần thể hiện tinh thần nhập thế tích cực hành đạo giúp đời, đưa đạo vào đời. Không phân biệt tại gia, xuất gia, Tăng hay tục, mọi người đều phải gắn bó đạo pháp với dân tộc, lý thuyết và thực tiễn phải song hành. Khi nước nhà hưng thịnh thì đạo pháp hưng thịnh, khi nước nhà suy vi thì Phật pháp cũng suy vi theo. Do vậy, mọi tầng lớp Phật tử thiên phái Trúc Lâm đều sống theo tinh thần nhập thế tùy duyên.

Trần Thái Tông đã phát triển tinh thần nhập thế của thiên Việt lên một bước mới đi từ quan điểm “chân Phật” lên “hoạt Phật”. Từ quan điểm “tâm bình thường thị đạo” phát triển lên thành yếu chỉ của cái tâm “tồn nhi bất tri”, vui cái vui của đạo, sống hài hòa với đời, đời đạo hòa quyện không còn có sự phân biệt. Phát triển tinh thần nhập thế của thiên Việt lên một bước mới, Tuệ Trung Thượng Sĩ còn táo bạo hơn, Ngài tu luyện phá chấp triệt để, Tuệ Trung quan niệm đạo đời không tách lìa nhau. Cuộc đời với mọi biến ảo của nó là nơi thử thách tôi luyện con người như đóa sen nở trong lò lửa. Trong bài *Thị chúng* ông viết:

*“Đôi ưa thực ghét ấy trò chơi  
Thực đối tâm kia bụi cả thôi  
Muốn nhày cho cao sang bến nợ  
Hỏi xem con trẻ có như lời”<sup>(14)</sup>.*

Về cuộc đời Tuệ Trung là người có nhiều công trạng, trong hai cuộc chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông. Ngài là người tu tập thiền đến trình độ vô ngại: “Trộn lẫn cùng thế tục, hòa lẫn vào ánh sáng, chứ không trái hẳn với người đời”<sup>(15)</sup>. Tư tưởng này của Tuệ Trung Thượng Sĩ đã góp phần làm cho Phật giáo thời Trần có tinh thần nhập thế tích cực.

Đến Trần Nhân Tông với sự ảnh hưởng sâu sắc tinh thần thiên hành động nhập thế của nội tổ là Trần Thái Tông và thầy dạy là Tuệ Trung Thượng Sĩ, Ngài đã phát triển tư tưởng này lên một tầm cao mới, mang đặc trưng của thiên Phật giáo Việt Nam. Điều đó được biểu hiện ở chỗ, thiên không dừng lại ở những hoạt động giới hạn trong việc tu hành như ăn chay, niệm Phật, tọa thiền mà còn biểu hiện ở những hành động thiết thực, thường nhật trong cuộc sống như bừa cùi, gánh nước, bảo vệ đất nước, lo cho dân cho nước cũng là thiên nữa. Đây chính là điểm đặc sắc của thiên phái Trúc Lâm. Tinh thần nhập thế này được biểu hiện qua hai phương diện cụ thể: “Thứ nhất đó là việc Trần Nhân Tông quyết tâm phục hồi và phát huy vai trò chủ đạo của tư tưởng Phật giáo trong đời sống tinh thần xã hội Đại Việt, đưa triết lý đạo đức Phật giáo thâm nhập sâu rộng và trở thành nền tảng đạo đức của nhân dân Đại Việt. Thứ hai, đó là đem triết lý Phật giáo gắn với đời sống xã hội, thể hiện bằng hoạt động sống tích cực, không kêu gọi xa lánh cuộc đời, không tu hành ép xác khổ hạnh, không trốn tránh cuộc sống đời thường tìm về với thiên nhiên mà biết tùy duyên với mọi hoàn cảnh nhưng vẫn vui với đạo”<sup>(16)</sup>. Phật giáo đời Trần lấy triết lý đạo đức nhân sinh nhân bản Phật giáo và lấy thiên phục vụ cho đời, gắn đạo với đời, trên tinh thần dung hợp Phật, Nho, Lão và nền tảng tinh thần văn hóa dân tộc.



Chùa Giải Oan. Ảnh Lê Văn Thảo

## 2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA PHẬT GIÁO THỜI TRẦN

### Hình thành Phật giáo Nhất tông

Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam đã thiết lập được mô hình tổ chức Phật giáo Nhất tông vào đời Trần. Tức là “thời đại của một Tông phái Phật giáo duy nhất”, với tôn chỉ hoạt động là thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động phục vụ cho Đạo pháp - Dân tộc. Thứ nhất là thấu tóm giang sơn về một mối, thống nhất từ trong ý chí và hành động. Hai là trên dưới đồng lòng, cùng nhau xây dựng phát triển đất nước thịnh vượng và bảo vệ vững chắc các thành quả đạt được trước bất cứ thế lực nào.

Ngoài việc thực hiện trọn hai mục tiêu đề ra, Trần Thái Tông còn đặt cho mình một nhiệm vụ hết sức trọng đại cần phải được đề cập là Ngài chủ trương đặt nền móng thống nhất các Thiền phái hiện có như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tiến đến sáp nhập và hình thành dòng thiền Trúc Lâm duy nhất đời Trần.

Sự kiện ra đời dòng Thiền này có ý nghĩa rất lớn, nó đáp ứng nhu cầu lịch sử của dân tộc là xây dựng một đất nước Đại Việt độc lập tự chủ không chỉ được xác định trên cương thổ biên giới về địa lý mà còn độc lập tự chủ trên mọi phương diện lĩnh vực chính trị kinh tế, văn hóa và ngay cả tôn giáo.

Về mặt tôn giáo, nhà Trần phải lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu, nhưng cần phải thay đổi nội dung của các Thiền phái để đáp ứng các yêu cầu căn bản như đã nói trên. Vì thế, nhà Trần chủ trương lập ra một Thiền phái có

nội dung tư tưởng độc lập, thể hiện đúng tinh thần bản sắc dân tộc hơn, hướng đến các mục tiêu sau: “Tự mình phân biệt với Thiên tông ở Trung Quốc biểu lộ tính độc lập. Thay đổi một phần nội dung tiêu cực và thân ngoại quốc của các phái Thiên tông trong nước. Vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như các tín ngưỡng phi Phật giáo để nhằm thống nhất ý thức hệ. Không chịu trách nhiệm về sự khác biệt và đụng độ đã xảy ra trong lịch sử giữa các phái Thiên tông với nhau cũng như Thiên tông với các tín ngưỡng khác. Tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới - tuy rằng thực tế chỉ là một phái, với đầy đủ các yếu tố để thu phục quần chúng<sup>(17)</sup>”. Và như vậy, dưới ảnh hưởng và uy tín của nhà vua, vào thế kỷ thứ XIII, ba Thiền phái trên dần dần sáp nhập thành Thiền phái Trúc Lâm duy nhất đời Trần. Và như thế mô hình Phật giáo Nhất Tông được thiết kế từ khi Trần Thái Tông lên ngôi, và phải đến thời Trần Nhân Tông thì mới đi vào hoạt động thực tiễn một cách mạnh mẽ.

### Hào khí Đông A

Hào khí Đông A là hào khí đời Trần, biểu hiện của hào khí Đông A là tinh thần tự lập, tự cường, lòng yêu nước, khát vọng lập công giúp nước; ý chí quyết chiến, quyết thắng mọi kẻ thù. Trong lịch sử vương quyền Việt Nam, nhà Trần hẳn nhiên là một triều đại lẫy lừng đã thống lĩnh quân dân Đại Việt ba lần chặn đứng vó ngựa cuồng phong của đạo binh viễn chinh Mông Cổ bách chiến bách thắng.

Hào khí Đông A còn thể hiện không chỉ ở lĩnh vực chính trị, lịch sử mà cả trên các lĩnh vực văn hóa, học thuật....

Đoạn dụ của Trần Thái Tông đúng là có hào khí của thời Lê sơ và chắc chắn nó được kế thừa từ hào khí Đông A qua những chi tiết cũng trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: Vua lập tức đòi thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, Thủ Độ trả lời: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác”. Ở một đoạn khác, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cũng khẳng khái trả lời: “Nếu bệ hạ muốn hàng thì chém đầu tôi trước”. Tại Hội nghị Bình Than, Trần Quốc Tuấn nhỏ tuổi quá không được dự bàn việc nước nhưng dũng khí đánh giặc thì có thừa, được vua ban cho quả cam; vì mãi nghĩ đến việc dựng cờ đại nghĩa đuổi giặc giữ nước nên Trần Quốc Tuấn đã bóp nát quả cam vua ban cho lúc nào không biết.

Như vậy, có thể hiểu được rằng, hào khí thì thời nào cũng có và nó sẽ xuất hiện khi vận mệnh của dân tộc lâm nguy. Nhưng đọc kỹ thì có thể thấy hào khí của thời Lê sơ nghiêng về phép vua, luật định của vua ban ra nhằm răn dạy quần thần còn hào khí Đông A có tính dân chủ hơn, xuất phát từ ý nguyện toàn dân và ý nguyện của cả văn thần võ tướng trong triều nhất loạt nói lên rất hào sảng. Thô phác hơn, hào sảng hơn và có sức mạnh của nội lực dân tộc hơn rất nhiều.

Và như thế nhà Trần đã kế thừa những tinh hoa của nhà Lý và tiếp tục phát triển đưa nước Đại Việt trở thành thời kỳ vàng son nhất trong lịch sử dân tộc.

### Hệ quốc an dân

Một trong những nét đặc thù của Phật giáo Việt Nam là tinh thần hệ quốc an dân. Theo quan điểm của người Phật tử Việt Nam giải thoát không có nghĩa là ở trong chùa xa lánh thế sự mà hãy tích cực nhập thế phụng sự nhân sinh và quê hương xứ sở như Phật hoàng Trần Nhân Tông đã nói: “Minh ngồi thành thị nét dùng sơn lâm” hay “Trần tục mà nên phúc ấy càng yêu hết tấc, Sơn lâm chẳng cốc họa kia thực cả đồ công”<sup>(18)</sup>. Do vậy, chúng ta thấy trong lịch sử có nhiều vị Thiền sư thể hiện tinh thần nhập thế tích cực như vào thời nhà Đinh có Thiền sư Khuông Việt làm tới chức Tăng thống, Ngài Pháp Thuận, Vạn Hạnh cũng tham gia triều chính thời Tiền Lê. Ngài Vạn Hạnh còn có công đưa Lý Công Uẩn lên ngôi mở ra thời kỳ phát triển huy hoàng của triều đại nhà Lý. Thời nhà Trần có các thiền sư Tuệ Trung, Đa Bảo, Viên Thông và nhiều Phật tử khác cùng với quân dân ba lần đánh tan quân Nguyên Mông giữ yên bờ cõi.

Song song với Tuệ Trung Thượng Sĩ và Trần Nhân Tông, Trần Thái Tông đã đoàn kết được toàn dân, lãnh đạo tài tình hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược, đạt được thắng lợi vẻ vang, viết nên trang sử hào hùng dân tộc: “Những khi giặc Nguyên sang quấy rối, Ngài phải xếp việc kinh kệ để lo giữ gìn xã tắc. Nhờ tình đoàn kết quân dân, Ngài đã hai lần (1285 và 1288) đuổi được quân Nguyên, giữ gìn trọn vẹn đất nước. Dưới triều đại Ngài, hai cuộc hội nghị nổi tiếng được ghi vào sử sách: hội nghị tướng lãnh Bình Than, hội nghị những bô lão trong cả nước ở Diên Hồng để bàn mưu kế, tỏ quyết tâm chống giặc”<sup>(19)</sup>.

Một thời đại anh dũng chiến thắng ngoại xâm với ý thức dân tộc cao ngất nhưng lại lấy Thiền tông làm chỗ dựa tinh thần. Mà sự kết hợp giữa hai yếu tố này – yêu nước và mộ

thiền – đã tạo nên những thành tựu văn hóa lớn lao in đậm vào lịch sử.

### KẾT LUẬN

Tóm lại, Phật giáo đời Trần là thời đại mà Phật giáo thật sự hòa nhập vào lòng dân tộc từ hình thức lẫn nội dung, yếu tố đưa đến thành công và những đặc sắc của đạo Phật không tách rời với sự phát triển của dân tộc. Đạo Phật thật sự đã được gieo mầm từ lâu và đã trải qua hàng bao thế kỷ, nó đã thích nghi với nhân chủng và phong thổ Việt Nam, đến đời Trần là đỉnh cao của nó đơm hoa kết nụ. Qua thời gian dài bản địa hóa của đất nước Việt Nam, Phật giáo đã trở thành cốt tuỷ và hoà nhập với nền văn hóa dân tộc. Do đó, nó hoàn toàn phù hợp với tâm tư nguyện vọng của một dân tộc khao khát hoà bình, yêu thích tự do độc lập. Có thể nói rằng các vị vua, các thiền sư đã sử dụng đúng tiềm năng của đạo Phật, khiến cho nó trở thành Phật giáo Việt Nam mà không phải Phật giáo Trung Hoa hay Ấn Độ từ cái nhìn cho đến hành động. Có thể nói Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã góp phần không nhỏ việc duy trì sự hưng thịnh cho quốc gia trong một thời gian dài, chiến thắng sự xâm lăng của giặc phương Bắc và sự quấy nhiễu của các thế lực ở phương Nam, đưa Đại Việt trở thành quốc gia hùng cường trên mọi phương diện tạo nên bản sắc đặc thù văn hóa dân tộc. ■

### CHÚTHÍCH

\*NCS Viện Triết học, Đại học Nhân Dân Trung Quốc.

1. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý Trần, tập 2*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 29.
2. Sđd, tr. 28.
3. Sđd, tr. 95.
4. Sđd, tr. 95.
5. Sđd, tr. 93.
6. Sđd, tr. 505.
7. Thích Thanh Từ (2014), *Thanh Từ toàn tập, tập 26*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 479.
8. Lê Mạnh Thát (1999), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr. 833.
9. Trương Văn Chung (1998), *Tư tưởng triết học thiền phái Trúc Lâm đời Trần*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 122.
10. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý – Trần, tập 2, quyển thượng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 505.
11. Sđd, tr. 159.
12. Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị Văn học trong tác phẩm thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 118 - 119.
13. Sđd, tr. 120.
14. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý – Trần, tập 2, quyển thượng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 232.
15. Thích Mật Thể (1942), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Tổng hội Tăng ni Bắc Việt, Hà Nội, tr. 45.
16. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý – Trần, tập 2, quyển thượng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 153.
17. Nhiều tác giả (1981), *Tim hiểu xã hội Việt Nam thời Lý – Trần*, Nxb. Hà Nội, tr. 648 - 650.
18. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý Trần, tập 2, quyển thượng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 506 - 507.
19. Nguyễn Công Lý (2003), *Văn học Phật giáo thời Lý – Trần, diện mạo và đặc điểm*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

(Xem tiếp trang 42)

## CHÚ THÍCH

1. Người được các tổ chức Phật giáo có thẩm quyền phong Thánh
2. Bodhisattva là Bồ Tát (người được tổ chức Phật giáo có thẩm quyền phong thánh), không phải người Bodhisattva
3. Tibetan trong tiếng Anh mang các nghĩa sau: (1) Người Tây Tạng, (2) Ngôn ngữ được sử dụng ở Tây Tạng, (3) Mang thuộc tính, liên quan đến sở hữu bởi người Tây Tạng, đất nước Tây Tạng, hoặc ngôn ngữ của Tây Tạng.
4. Một số nghiên cứu gần đây cho rằng ông sinh năm 1787 hoặc 1788
5. Ngày nay là Chiurus, Romania.
6. Kőrösi có nghĩa là "người con của Koros" (thuộc giới quý tộc), cũng được gọi là Sándor Csoma de Koros.
7. Là một nhóm người Hungary chủ yếu sống tại Székely Land thuộc Romania.
8. Trường đại học Tin Lành nổi tiếng của Transylvania, nay là Ajud, Romania, cách làng Kőrös hơn 300 km.
9. Rigorosum là kỳ thi cuối cùng để lấy bằng cấp học thuật, thường là bằng tiến sĩ. Ngoài thí sinh và giám khảo, phần thi vấn đáp còn có thư ký và chủ tịch hội đồng thi tiến sĩ. Kỳ thi Rigorosum thường kiểm tra các môn học khác ngoài chủ đề của luận án.
10. Đại học Göttingen, tên chính thức là Đại học Georg August của Göttingen (còn được gọi là Georgia Augusta) là một đại học nghiên cứu công lập nổi tiếng ở thành phố Göttingen, Đức, được thành lập vào năm 1734, bắt đầu giảng dạy vào năm 1737, là trường đại học lâu đời nhất ở Lower Saxony
11. Quốc tế ngữ (Esperanto) là ngôn ngữ quốc tế được bác sĩ nhãn khoa người Ba Lan LL Zamenhof tạo ra năm 1887, khi ông xuất bản một cuốn sách chỉ tiết về ngôn ngữ Quốc tế, Unua Libro, với bút danh là "Tiến sĩ Esperanto". Quốc tế ngữ được sử dụng rộng rãi tại 115 nước, phổ biến nhất là Tây Âu, Bắc Mỹ và châu Đại Dương.
12. Ngày nay là Timișoara, Romania.
13. Báo cáo ngày 28-1-1825 của Csoma gửi Thuyền trưởng Charles Pratt Kennedy
14. Lạt Ma, người có vị thế cao trong Phật giáo Tây Tạng. Đạt Lai Lạt Ma là người đứng đầu Phật giáo Tây Tạng.

15. Kinh điển Phật giáo Tây Tạng, tập hợp các văn bản thiêng liêng được công nhận bởi nhiều trường phái Phật giáo Tây Tạng khác nhau, bao gồm Kangyur hoặc Kanjur ('Dịch từ') và Tengyur hoặc Tanjur ('Dịch các luận thuyết').
16. Bstan-'gyur (tiếng Tây Tạng: "Bản dịch giáo lý"): bộ sưu tập các bài của người Tây Tạng về giáo lý Phật giáo
17. Zaskar là một thung lũng hẻo lánh ở Ladakh, thuộc bang Jammu và Kashmir, phía Bắc Ấn Độ, từng là lãnh thổ của vương quốc cổ Guge, là vùng đất của các vị Lạt Ma, cổ xưa của nền văn hoá Phật giáo Tây Tạng.
18. Lưu ý rằng, thời ấy, tất cả các hành trình đều là đi bộ.
19. Mahāvīyutpatti là khoa học hình thành từ ngữ, *Từ nguyên thiết yếu*, cung cấp thuật ngữ tiếng Phạn và tiếng Tây Tạng. Đây là từ điển song ngữ quan trọng sớm nhất được biết đến.
20. Shelkar Kangyur (tiếng Tạng, *Wyl. shel dkar bka'gyur*) hay còn gọi là Bản thảo Kangyur Luân Đôn là một ấn bản viết tay của Kangyur được Chính phủ Ấn Độ tặng cho Bảo tàng Anh vào năm 1906. Bản thảo được sao chép vào khoảng năm 1712 từ một bản thảo được lưu giữ tại Shelkar Dzong ở miền Nam Tây Tạng, bản thảo nó đã được sao chép từ cái gọi là bản thảo *Tempangma*. Bây giờ nó nằm trong Thư viện Anh.
21. Bức chân dung đích thực duy nhất của Alexander Csoma de Kőrös được vẽ bởi Ágost Schöffl, một họa sĩ người Hungary gốc Đức vào năm 1840.
22. Vị thánh Phật giáo.
23. Tār là một thị trấn thuộc hạt Nógrád, Hungary, có diện tích 27,34 km<sup>2</sup>, dân số năm 2010 là 1903 người.
24. Chorten là tên gọi kiểu dáng Bảo tháp có hình dáng đặc trưng ở Tây Tạng.
25. Hiện tọa lạc tại số 220/12 Phan Châu Trinh, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Hoàn Cầu.
26. Lễ hội văn hóa ẩm thực thế giới 2010 (World Food Festival Culture) với chủ đề "Nếm cả thế giới" Lễ hội văn hóa ẩm thực thế giới năm 2010 diễn ra từ ngày 21 đến 25/7 tại thành phố Vũng Tàu, với sự tham gia của 32 quốc gia trên thế giới và 43 tỉnh/thành phố trong cả nước.

## Giá trị tư tưởng...

(Tiếp theo trang 33)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hữu Dược (2018), *Luật tín ngưỡng tôn giáo*, Học viện Phật giáo Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
2. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Lê Mạnh Thát (1999), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
4. Lê Mạnh Thát (2001), *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
5. Lê Mạnh Thát (2004), *Trần Thái Tông toàn tập*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
6. Ngô Sĩ Liên (2012), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Hồng Bàng.
7. Nguyễn Công Lý (2016), *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Hữu Sơn (2012), *Giáo dục Phật giáo Thời Lý - Trần đồng hành cùng dân tộc*, <https://thuvienhoasen.org/a16775/giao-duc-phat-giao-toai-ly-tran-dong-hanh-cung-dan-toc-nguyen-huu-son>.
9. Nguyễn Khắc Thuần (2002), *Nước Đại Việt thời Lý - Trần*, Nxb. Thanh Niên, TP. Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Khắc Thuần (2012), *Hội thảo Khoa học: Giáo dục Phật giáo - định hướng và phát triển*, TP. Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
12. Viện sử học (2022), *Tim hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb. Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Nhiều tác giả (1993), *Tuệ Trung Thượng sĩ với Thiên tông Việt Nam*, Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm - Viện khoa học Xã hội.
14. Thích Đồng Bổn (chủ biên) (2010), *Phật giáo đời Lý*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội
15. Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
16. Thích Phước Đạt (2019), *Trần Thái Tông và Khóa hư lục nhìn từ góc độ văn học*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
17. Thích Phước Sơn dịch (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
18. Thích Thanh Từ (2004), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
19. Thích Thanh Từ (2014), *Thanh Từ toàn tập*, tập 26, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
20. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
21. Trương Văn Chung (1998), *Tư tưởng triết học thiền phái Trúc Lâm đời Trần*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Viên Hải Mặc Nhân, (2016), *Tinh thần nhập thế của Phật giáo đời Trần*, <http://kienthuc.net.vn>.
23. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.